

CHŨNG TỘC THEO QUAN ĐIỂM CỦA DI TRUYỀN HỌC VÀ NHÂN HỌC PHÂN TỬ

NGUYỄN ĐÌNH KHOA

Năm 1992 tại Hoa Kỳ Nhân học phân tử (NHPT) kỉ niệm 30 năm thành lập (1962) bằng một hội thảo khoa học bàn về vấn đề "phân loại và tiến hoá Người" với sự có mặt của nhiều nhà nghiên cứu Di truyền và Nhân học cơ thể có tên tuổi như Goerges Simpson, Ernst Nayr, Theodore Dobzansky, Louis Leakey, Sherwood Washburn, Emile Zuckerkandl v.v...E. Zuckerkandl đã ứng dụng đầu tiên Sinh học phân tử trong nghiên cứu con người được xem là người sáng lập ra NHPT. Nhưng với một lãnh vực khoa học non trẻ thì khó trong một thời gian ngắn đánh giá được khả năng đầy đủ của nó, kể cả những sai sót mắc phải. Như vấn đề "Eva châu Phi"(Eva Africaine) giới thiệu trong bài "Huyền thoại và thực tế của cách tiếp cận Di truyền học" (Những vấn đề sinh học ngày nay, T2, N1- 1996) sau này đã có nhiều người phê phán. Cho nên trong hội thảo đã diễn ra tranh luận gay gắt, nhất là giữa Cổ nhân học và NHPT. Người ta dẫn ra những chứng cứ hoá thạch có khi đối lập hoàn toàn với dẫn liệu của NHPT. Có một vấn đề được đề cập trong hội thảo là dòng tiến hoá của họ Người (Hominidae): tôi đã trình bày nội dung trong một bài viết (1997)(1). Ở đây bàn riêng vấn đề chủng tộc.

I. Từ trước Công Nguyên các nhà tự nhiên học Ai Cập và La Mã cổ đại đã nhận thấy sự khác biệt hình thái giữa cư dân sống tại các vùng khí hậu khác nhau. Nhưng phải đến thế kỷ 17-18, do sự tiếp xúc ngày càng rộng rãi về không gian địa lý và các cộng đồng người, giới khoa học mới chú ý tới việc phân loại con người. Các học giả phương Tây đã nghiên cứu đầu tiên vấn đề này như Bernier (1684). G. Bufon (1749), C. Linné (1758), F. Blumenbach (1776) v.v...Đặc biệt có ý kiến sau đây của Jonathan Marks viết về Linné: Trước đây Người vốn được xem là một động vật "bốn chi" (quadrupèdes). Nhưng phải đến lần tái bản thứ 10 của tác phẩm: Hệ thống tự nhiên" (Systema naturae) của Linné thì ông mới đặt người vào lớp có vú (Classe des manmiferes): đó chẳng phải do dựa vào một đặc trưng sinh học mà lại do quan điểm chính trị- xã hội của nhà khoa học Thụy Điển chống lại thói quen của bọn tư sản giàu có chuyên gửi con trẻ sơ sinh về nông thôn để mướn "vú nuôi", tức không chịu làm chức năng người mẹ mà tự nhiên đã phú cho là phải tự thân nuôi lấy con mình(2). Chẳng rõ trong các di cảo của Linné có nơi nào ghi lại như vậy không, Nhưng từ tài liệu trên J. Marks đã nhận định: Tự nhiên không phân loại,

con người đã làm việc này theo chủ quan của mình và như vậy trong phân loại con người đã có dấu ấn văn hóa.

Đúng là người vốn là một đối tượng sinh học đặc thù: có tư duy, ngôn ngữ, văn hoá. Những nhân tố này tác động đến bản chất sinh học của con người làm cho *Người khác hẳn với động vật* (thích ứng với mọi môi trường sinh thái trên hành tinh, đi vào vũ trụ, chọn lọc tự nhiên với người đã yếu dần đến mức thấp nhất). Nhưng không nên quên: vào giai đoạn đầu nhân loại phát sinh, kể cả với người hiện đại (*Homo sapiens sapiens*) thì áp lực chọn lọc còn đáng kể.

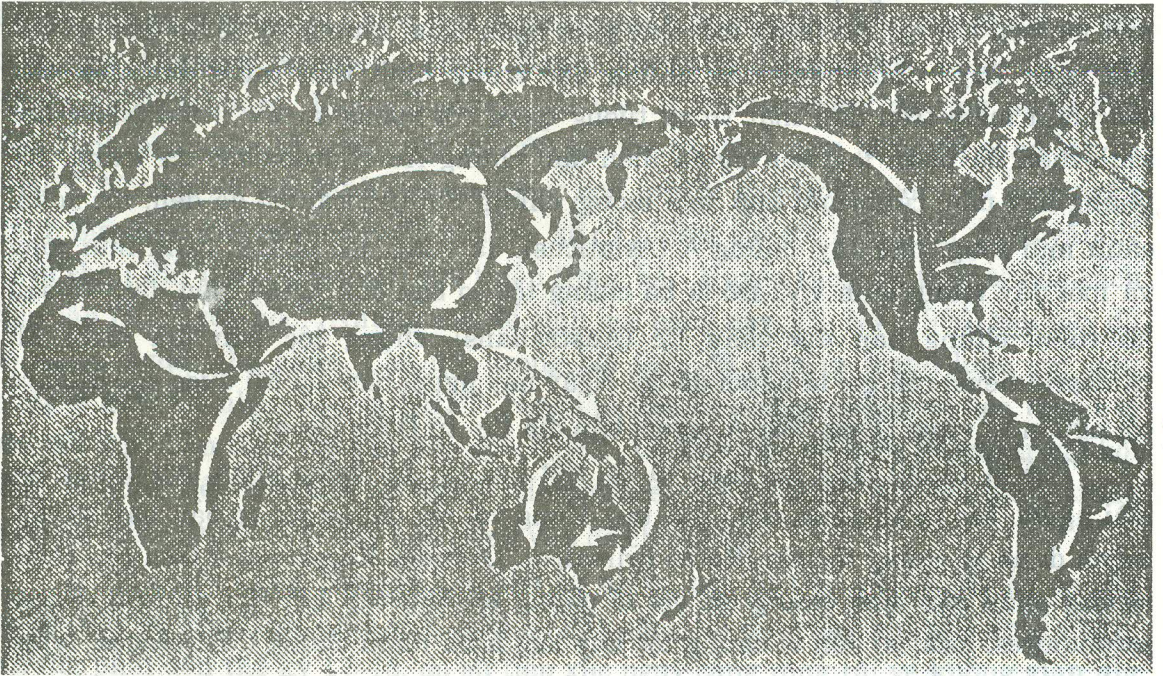
Cho nên chủng tộc người là thuộc phạm trù khoa học tự nhiên (Sinh học), là một momen tồn tại, dù trong một thời gian ngắn ngủi, nhưng đã để lại dấu ấn cho đến ngày nay. Chính dựa vào những đặc trưng hình thái (màu da, hình tóc, các phần mềm trên đầu mặt trong tương quan với xương sọ v.v...) mà Nhân học kinh điển đã phân loại con người hiện đại: chủng Âu (*Europaeur*) da trắng, tóc phẳng hay uốn, cánh mũi hẹp, môi mỏng; chủng Phi (*Africanus*) da đen, tóc xoắn, cánh mũi rộng, môi dày; chủng Á (*Asiaticus*), da vàng, tóc phẳng, cánh mũi rộng và môi dày trung bình v.v... Đó là ba chủng tộc cơ bản của người hiện đại. Về sau lại thêm chủng bản địa châu Úc (*Australians*), chủng tộc bản địa châu Mĩ (*Amesrindiens*) còn gọi là người da đỏ. Ngày nay người bản địa Mĩ được xác định có cội nguồn từ vùng Đông- Bắc Á, người bản địa Úc- từ Đông Nam Á.

Thế kỉ 19, 20 càng mở rộng và chi tiết hoá các hệ thống phân loại chủng tộc loài người, tạo ra sự phân cấp phức tạp. Cùng với các chủng tộc cơ bản hay sơ cấp, mệnh danh là chủng tộc lớn (*Races primaires, Grandes Races*) nói ở trên còn thêm những phân cấp dưới chủng tộc gọi là chủng tộc thứ cấp hay địa phương (*Races secondaires, locales*) đến vi chủng tộc hay loại hình nhân chủng (*Microraces, types raciaux*).

Nhưng sau Đại chiến thế giới lần II (1939-1945) thuyết "phân biệt chủng tộc" (*Racisme*) làm cơ sở tư tưởng cho chính sách diệt chủng của Đức Quốc Xã mà tới nay còn âm hưởng ở nhiều nơi, vấn đề chủng tộc đã được đề cập, nghiên cứu. Tự chung, nhận định chung là: hiện nay, chủng tộc theo quan niệm kinh điển không tồn tại mà đang tiêu vong bởi quá trình hoà hợp, trao đổi các nguồn gen do sự vận động cư dân liên tục trong lịch sử. Nghiên cứu con người ngày nay là nghiên cứu các quần cư hay quần thể (*populations*) bao gồm cấu trúc sinh học (đặc điểm hình thái, dấu chuẩn nhóm máu, dấu chuẩn di truyền) và cả những nhân tố địa lý- văn hoá, lịch sử cội nguồn... Như vậy quần thể ở người là những đơn vị lưỡng nguyên "sinh học- văn hoá" (*Unités bio-culturelles*) có vai trò quan trọng nhất định trong tiến bộ xã hội. (3).

II. Gần đây tạp chí *La Recherche* số 302 tháng 10-1997 đã có một số bài với nội dung khái quát "Khoa học và khái niệm chủng tộc" (*La science et la notion de*

race). Có hai bài đáng chú ý: "Chủng tộc, thuyết dân gian về tính di truyền" của J. Marks(4) và bài "Một khái niệm không có cơ sở sinh học" của A. Piazza(5). Nói chung là phủ nhận sự tồn tại hiện nay của chủng tộc và quan điểm của Nhân học kinh điển về chủng tộc. Lý do chủ yếu là sự phân bố các đặc điểm xem là dấu chuẩn của chủng tộc không cố định, gián đoạn mà biến đổi liên tục từ nơi này đến nơi khác, có thể do thích nghi với môi trường (khí hậu, thức ăn, dịch bệnh...), nhất là do quá trình vận động cư dân tạo ra sự trao đổi lâu dài các nguồn gen giữa các khu vực ở cách xa nhau ở tất cả các châu lục (Hình 1).

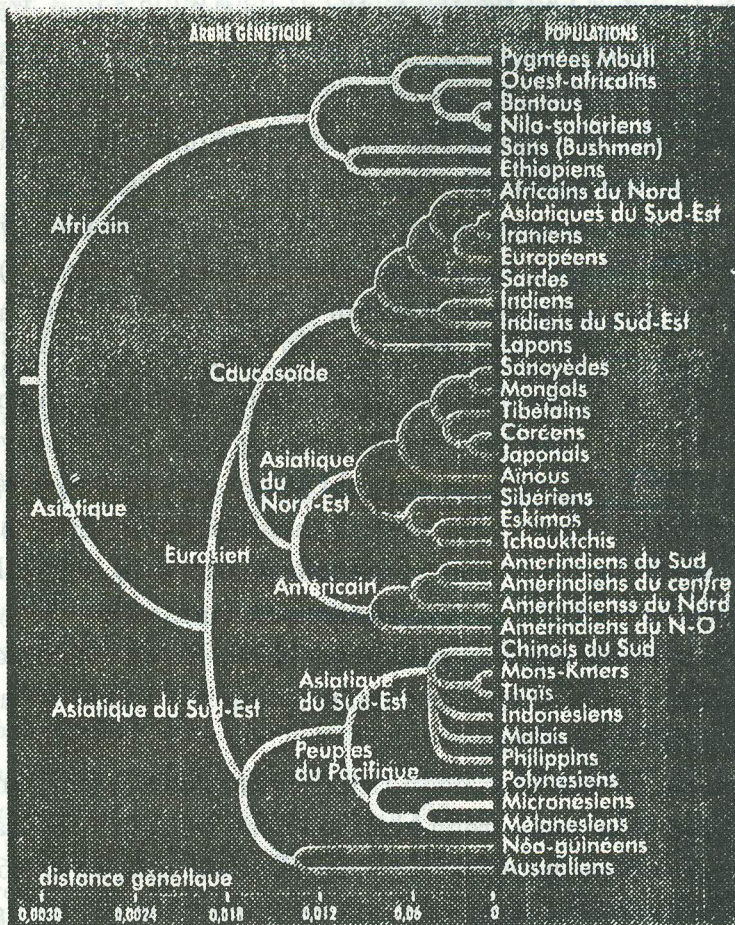


Hình 1: Lịch sử và những con đường vận động cư dân của người hiện đại (bài của A. Piazza). Những cuộc di chuyển xưa nhất lên tới 100.000 năm, xuất sứ từ Phi châu và vùng Trung Đông. Tới Úc châu là con đường từ Đông Nam á chừng 40.000 năm trước, khi ấy mực nước biển hạ thấp hơn 100m do hiện tượng hoá băng. Sự chiếm lĩnh châu Âu từ miền Tây á khoảng 35.000- 40.000 năm, châu Mi từ Đông Bắc á, ước đoán giữa 35.000-15.000 năm.

Marks viết: ở người có những biến đổi tự nhiên dần dần (varriation graduelles) mà chúng ta lại phân chia họ một cách văn hoá thành chủng tộc chẳng khác gì thời gian thì liên tục nhưng chúng ta đã một cách văn hoá phân chia thành phút, giờ, tuần lễ hoàn toàn tách biệt. Theo lập luận này, tác giả đã chứng minh rằng những người gần gũi về vùng địa lý thì nhiều nét tương đồng về hình thái (màu da, hình tóc, các phần trên đầu mặt) và khác với những người ở xa: thử nghiệm trên gen cũng thấy thế. Cái cấu trúc như vậy là liên tục (structure clinale)... Tác giả còn nhận định: ở nam giới những khác biệt sinh học đã được bỏ

xung và phóng đại bởi các khác biệt ngôn ngữ, ứng xử, y phục và nhiều nhân tố khác mà ta gọi là "văn hoá"... Tính đa dạng về di truyền ở người không lớn. Sự phân biệt giữa các nhóm người dựa trên đa dạng văn hoá hơn là di truyền. Cho nên Nhân học hiện đại không nói đến chủng tộc mà quần thể là những đơn vị sinh học- văn hoá. Đó mới là những thực thể tồn tại trong tự nhiên (trang 60). Như vậy những nhận định của J.Marks, về cơ bản, không có gì mới. F. B. Livingstone (1962) và K. Davis (1974) đã có những ý kiến tương tự.(6)

Bài viết của A. Piazza cũng lặp lại những nhận định đã gặp trong bài viết của J.Marks. Cái hay của A. Piazza cùng các cộng sự là bằng phương pháp phân tích đa biến phân (analyse multivariée) đã lập ra một cây di truyền chủng loại từ dữ liệu 120 alen ở 42 quần thể (Hình 2).



Hình 2: Cây di truyền chủng loại (arbre phylogénétique) xác lập bởi L.Cavilli, Sforza, A. Piazza và cộng sự từ việc phân tích di truyền của 120 alen ở 42 quần cư (1988). Theo tác giả thì thuật ngữ Européens trong hình là từ 5 quần cư đã gộp lại. Ta thấy cây phả hệ ở đây đã gồm 2 nhánh gốc Phi (Africain) và Á (Asiatique) với 2 nhánh phụ Âu- Á (Eurasien). Đông Nam Á (Asiatique du Sud-Est) và các nhánh con.

Ở đây ta thấy rõ dấu ấn chủng tộc còn lại khá rõ nét : theo nhóm thì các quần thể đã gắn với khu vực địa lý thuộc các châu lục Phi, Âu, Á, Mĩ, Úc- Thái Bình Dương tương ứng với các chủng tộc lớn của Nhân học kinh điển(7) có một nhóm quần thể mà vị trí trong cây phả hệ gây thắc mắc: nhóm á khu vực Đông Nam Á (Asiatique du Sud-Est) đặt vào nhánh Caucasoide? Đúng hơn đây là nhóm Á khu vực Nam Á như người Iran. Riêng nhóm Âu (Européens), theo tác giả, là từ 5 quần thể gộp lại chúng tỏ tại khu vực này họ đã phân lớn hoà hợp do trao đổi mạnh các nguồn gen. Đó là điều hợp lý đối với những tộc người phát triển về mặt kinh tế-xã hội.

Tác giả cũng cho biết: nghiên cứu sự phân bố những gen alen trong quần thể thì các quần thể hay nhóm quần thể đều lẫn vào nhau chứ không tách biệt chúng tỏ chúng không đồng nhất (phân bố chuyển lẫn trong thống kê học). Và tuy với những tần suất khác nhau, nhưng tất cả các alen đều có mặt trong tất cả các quần thể, trừ vài trường hợp ngoại lệ hiếm gặp như một số gen ti thể nào đó đã biến mất ở người Âu, nhưng có mặt đầy đủ ở người Phi. Tuy nhiên không một gen cá thể nào có thể sử dụng để đặt quần thể người vào phạm trù phân loại... và càng đi vào chi tiết thì danh giới giữa các nhóm càng mờ nhạt. Vả chăng sự phân hoá địa lý giữa các nhóm người, qua vận động cư dân, cũng chưa quá cổ xưa (Xem hình 1) nên không có nhiều thời gian cho một sự phân cách mạnh về mặt di truyền. Đó là lý do khiến sự khác biệt giữa các nhóm lại không lớn so với sự khác biệt bên trong các nhóm này. Thêm nữa cũng bởi sự di chuyển lớn của con người và các quần thể trước đây và tiếp tục không ngừng tới ngày nay nên nếu những danh giới di truyền có biểu hiện gì chúng cũng không bao giờ nổi trội mà chỉ có mờ dần. Cho nên về mặt khoa học khái niệm chủng tộc loài người ngày nay trở thành vô nghĩa. Tác giả còn thêm rằng những mẫu chuẩn chủng tộc (stéréotypes raciaux) như màu da, hình tóc, hình thái đầu- mặt chỉ phản ánh sự khác biệt bề ngoài, chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi khí hậu mà về mặt tiến hoá thì cội nguồn sinh học của chúng tương đối gần đây cũng không nhận được sự phân tích di truyền xác nhận (trang 67). Nhận định cuối cùng này đáng chú ý và cần sự kiểm chứng.

Đặc biệt A. Piazza cho hay: phân tích di truyền chủng loại gen ở 42 quần thể phát hiện một quan điểm quan trọng khác. Đó là sự tương hỗ giữa các nhóm này và mối quan hệ của họ với các hệ ngôn ngữ. Tác giả và các cộng sự đã có thể biểu thị sự phân tích dựa trên gen dưới dạng một quá trình tiến hoá các hệ ngôn ngữ. Chính cái bản đồ gen của châu Âu không chỉ chứng tỏ tính liên tục của những biến đổi di truyền mà còn vẽ ra sự tương ứng rất rõ nét giữa những danh giới ngôn ngữ và những khác biệt di truyền quan trọng nhất. Cái đồng tiến hoá gen- tộc người- ngôn ngữ đã chỉ ra mối tương tác giữa văn hoá và phân hoá di truyền. Tác giả nêu lên hai ngữ hệ lớn là Âu-Á (Euro-asiatique) với 7 dòng ngôn ngữ (Judo- europeen,

Dravidien, Ouralien, Altaïque v.v...) và ngữ hệ Nam Phương (Austrique) với 3 dòng ngôn ngữ (Austro-asiatique, Daique, Austronesien) (trang 68). Vấn đề này Nhân học đã từng đề cập, vì giữa tộc người, quần thể và chủng tộc trước đây với ngôn ngữ có mối quan hệ lịch sử. Ba dòng ngôn ngữ Autro - asatique (Nam Á), Daique (Kadai) và Austronesien (Nam Đảo) đã được chúng tôi bàn đến đối với cội nguồn các dân tộc và nhóm các ngôn ngữ khác nhau ở khu vực Đông Nam Á (Môn- Khơ me, Thái, Mã lai-Polinêdi). Kết quả tỏ ra phù hợp với cây di truyền chủng loại và ngữ hệ Nam Phương với các dòng ngôn ngữ mà A.Piazza đã nêu ra(8).

Kết thúc bài viết này không thể quên tệ "Phân biệt chủng tộc" đã được A.Piazza và J. Marks nhắc tới mà M.F. Montagu (1974) gọi là "cái huyền thoại hiểm độc nhất của con người" do sự hiểu sai lầm về chủng tộc(9). Chủng tộc thì không còn nhưng những định kiến về chủng tộc (sắc tộc) từng gây ra các cuộc chiến tranh diệt chủng thì vẫn tồn tại, thực chất vì lợi ích quyền lực và kinh tế- xã hội của cá nhân và phe nhóm. Đối với Nhân học thì sự tiêu vong của chủng tộc không làm ai luyến tiếc. Mục đích của Nhân học hiện đại không phải là phân loại con người mà là phát hiện sự biến đổi đa hình của họ. Như vậy nội dung và đối tượng nghiên cứu càng phong phú và bất tận.

Chú thích

- (1). Nguyễn Đình Khoa. *Nhân học phân tử và vấn đề phân loại họ Người (Hominidae)*. Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1996, NXB KHXH, H. 1997, tr 51-53.
- (2). J. Marks. *La Race, théorio populaire de l' herédité*, La Recherche, N°302, Octobre 1997, p.57-63.
- (3). Nguyễn Đình Khoa. *Sinh học và văn hóa- Về quần thể và sự tiêu vong của chủng tộc*, NXB KHXH, H. 1999, tr. 202-207.
- (4). J. Marks. Tài liệu đã dẫn.
- (5). Alberto Pizza. *Uncocept sans fondement biologique*, p. 64-68.
- (6). F.B.Livingstone. *On the non-existence of Human Races*. Current Anthropology, Vol.3, 1962.
- (7). K. Davis. *The migration of human populations*. Scientific Amer-1974, p. 231,93.
- (7). Nguyễn Đình Khoa. *Sinh học và văn hoá (sách đã dẫn): Chương VI₁- Chủng tộc loài người và các hệ phân loại chủng tộc*, tr. 173-185.
- (8). Nguyễn Đình Khoa. *Nguồn gốc các dân tộc ngôn ngữ Môn -Khơme, Thái và Mã Lai - Polinêdi*, trong *Nhân chủng học Đông Nam Á*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, H. 1983, tr. 120 -154.
- (9). M.F. Montagu- *Mán's most dangerous Mgth. The Fallacy of Races*; 5th Ed. New York, Oxford Univ. Press, 1974.